

Đây thôn vĩ dạ

I. Tác giả

1. Tiểu sử

- Hàn Mặc Tử (1912-1940), tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ra ở Đồng Hới, Quảng Bình.
- Sớm mất cha sống với mẹ tại Quy Nhơn.
- Năm 21 tuổi ông vào Sài Gòn lập nghiệp.
- Đi làm công chức thời gian ngắn rồi mắc bệnh phong và mất.

2. Sự nghiệp văn học

a. Di sản văn học:

Tác phẩm chính: "*Gái quê*", "*Thơ điên*", "*Xuân như ý*", "*Duyên kì ngộ*", "*Quần tiên hội*",...

b. Phong cách sáng tác

- Tâm hồn thơ ông đã thăng hoa thành những vần thơ tuyệt diệu, chẳng những gọi cho ta niềm thương cảm còn đem đến cho ta những cảm xúc thẩm mĩ kì thú và niềm tự hào về sức sáng tạo của con người.
- Quá trình sáng tác thơ của ông đã thu tóm cả quá trình phát triển của thơ mới từ lãng mạn sang tượng trưng đến siêu thực.

II. Tác phẩm

1. Tìm hiểu chung

a. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:

Nằm trong tập "*Thơ điên*" sáng tác năm 1938, được khơi nguồn từ mối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với Hoàng Thị Kim Cúc.

b. Nội dung bài thơ:

Bài thơ thể hiện lòng yêu cuộc sống, nỗi niềm trong dự cảm chia xa, niềm hi vọng mong manh về tình yêu và hạnh phúc.

c. Bố cục:

- Phần 1: Bức tranh thôn Vĩ
- Phần 2: Tâm trạng của nhà thơ

2. *Tìm hiểu chi tiết*

a. Bức tranh thôn Vĩ

* *Nét đẹp phong cảnh thôn Vĩ trong khổ thơ đầu:*

- Mở đầu bài thơ là câu hỏi tu từ “*Sao anh không về chơi thôn Vĩ*” nhưng thực ra là một lời trách móc nhẹ nhàng và cũng là lời mời gọi tha thiết của cô gái thôn Vĩ với nhà thơ.

- Cảnh nơi thôn Vĩ: Vĩ Dạ hừng Đông

“Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên”

+ Điệp từ *nắng* nhấn mạnh ánh nắng của buổi bình minh.

+ *Nắng hàng cau nắng mới lên*: gợi ánh nắng ấm áp trong trẻo và tinh khôi của buổi sớm mai.

“Vườn ai mướt quá xanh như ngọc”

+ *Vườn ai*: địa từ phiếm chỉ “ai” gợi cảm giác mơ hồ, bất định trong tâm hồn thi nhân.

+ *Mướt quá*: gợi sự tươi non, mướt mà của khu vườn thôn Vĩ.

+ *Xanh như ngọc*: nghệ thuật so sánh diễn tả sự xanh mướt được ánh nắng mặt trời của buổi sớm mai chiếu xuyên qua làm bừng sáng cả khu vườn nơi thôn Vĩ.

→ Thiên nhiên thôn Vĩ buổi sớm mai đẹp thanh khiết, trong trẻo, thơ mộng và tràn trề sức sống.

- Con người nơi thôn Vĩ: “*Lá trúc chen ngang mặt chữ điền*”:

+ *Mặt chữ điền*: là biểu tượng của nét đẹp phúc hậu, hiền lành, trung thực.

+ *Lá trúc chen ngang*: lá trúc mảnh mai, gợi nét đẹp kín đáo, phúc hậu, dịu dàng của con người xứ Huế.

→ Câu thơ có sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người trong vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng.

→ Bốn câu thơ vẽ nên một bức tranh thiên nhiên thơ mộng, con người mang vẻ đẹp kín đáo dịu dàng. Qua đó cũng bộc lộ tình yêu thiên nhiên, yêu người tha thiết cùng những niềm băn khoăn, day dứt của nhà thơ.

* *Hình ảnh gió, mây, sông, trăng trong khổ thơ thứ hai: Vĩ Dạ đêm trăng*

- Không gian mênh mông có đủ gió, mây, sông, nước, trăng, hoa.

- “*Gió theo lối gió mây đường mây*”: cách ngắt nhịp 4/3 gợi tả không gian gió mây chia lìa như một nghịch cảnh đầy ám ảnh của sự chia lìa, xa cách.

- “*Dòng nước buồn thiu*”: nghệ thuật nhân hóa dòng sông trở thành một sinh thể mang tâm trạng gợi cảm giác u buồn. Dòng sông không thể tự buồn mà nhà thơ đã gửi nỗi buồn vào dòng sông.

- “*Hoa bắp lay*”: sự chuyển động rất nhẹ, “*lay*” gợi nỗi buồn hiu hắt, thưa vắng.

→ Cảnh vật được nội tâm hóa bộc lộ nỗi đau thân phận, sự chia lìa xa cách.

“*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*”:

+ *Sông trăng*: hình ảnh lạ, đẹp, đầy thi vị. Dòng sông tràn ngập ánh trăng vàng. Con thuyền vốn là hình ảnh có thực được nhìn qua con mắt của thi nhân trở thành một hình ảnh mộng tưởng. Thuyền đậu trên bến sông trăng để trở trăng về một nơi nào đó trong mơ. Gợi lên vẻ đẹp lãng mạn, nhẹ nhàng, tất cả đang đắm chìm trong bóng bèo mơ mộng, như thực như ảo.

+ Đại từ phiếm chỉ “*ai*” gợi cảm giác mơ hồ, xa lạ, đầy ảo mộng.

- “*Có trở trăng về kịp tối nay?*”: câu hỏi tu từ thoáng thốt, băn khoăn, có gì đó khắc khoải, khẩn thiết. Chữ *kịp* khiến cho khoảng thời gian “*tối nay*” càng trở nên ngắn ngủi. Ta cảm nhận được sự lo sợ, một mặc cảm về hiện tại ngắn ngủi, hé mở cho ta thấy chủ thể như muốn chạy đua với thời gian.

→ Khổ thơ thứ hai đã vẽ nên một bức tranh sông Hương nên thơ, huyền ảo, phảng phất tâm trạng u buồn, cô đơn của nhà thơ. Cảm xúc chuyển biến đột ngột từ niềm vui của hi vọng gặp gỡ sang trạng thái lo âu đau buồn thất vọng khi tác giả nhớ và mặc cảm về số phận bất hạnh của mình.

b. Tâm trạng của nhà thơ

Tâm trạng của nhà thơ qua khổ thơ cuối:

“*Mơ khách đường xa khách đường xa*”

+ Mơ: trạng thái vô thức, nhà thơ đang đắm chìm trong cõi mộng.

+ Điệp ngữ “*khách đường xa*”: nhấn mạnh khoảng cách xa rời, chỉ là khách trong mơ.

- “*Áo em trắng quá nhìn không ra*”: từ “*quá*” diễn tả sự choáng ngợp, thăng thốt; “*nhìn không ra*” cực tả sắc trắng, trắng một cách kì lạ, bất ngờ. Đây không còn là màu sắc thực nữa mà là màu trong tâm tưởng.

- “*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*”: câu thơ có thể hiểu theo hai nghĩa.

+ Về nghĩa thực, xứ Huế nắng nhiều, mưa nhiều nên nhiều sương khói và sương khói làm tăng thêm vẻ hư ảo, mộng mơ của xứ Huế.

+ Về nghĩa bóng, sương khói làm mờ ảo cả bóng người hay chính là tượng trưng cho một mối tình mong manh, xa vời, không trọn vẹn.

- “*Ai biết tình ai có đậm đà*”: đại từ phiếm chỉ “ai” mở ra hai lớp nghĩa:

+ Nhà thơ làm sao biết tình người xứ Huế có đậm đà với mình hay không hay cũng mờ ảo như làn khói kia.

+ Người xứ Huế có biết chăng tình cảm của nhà thơ với cảnh Huế, người Huế hết sức đậm đà, thấm thiết.

→ Câu thơ thể hiện nỗi cô đơn, trống vắng trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và cuộc đời đã nhuộm màu đau thương, bất hạnh. Lời thơ băng khuâng hư thực gợi nỗi buồn xót xa trách móc.

→ Khi hoài niệm về quá khứ xa xôi hay ước vọng về những điều không thể nhà thơ càng thêm đau đớn. Điều đó chứng tỏ tình yêu tha thiết cuộc sống của một con người luôn có khát vọng yêu thương và gắn bó với cuộc đời.

c. Giá trị nội dung

Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uẩn khúc của nhà thơ.

d. Giá trị nghệ thuật

- Trí tưởng tượng phong phú.

- Nghệ thuật so sánh nhân hóa, thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ, ..

- Hình ảnh sáng tạo, có sự hòa quyện giữa thực và ảo.

